

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2023

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Thanh Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y1, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1994; Nơi cư trú: Ấp THC, xã TA, thị xã TC, tỉnh An Giang. Có mặt
- Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994; Nơi cư trú: Ấp X, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y1 trình bày: Vào năm 2012, chị và anh Lê Thanh T sau thời gian tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới cả hai cùng sống chung với gia đình anh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chuyện tình cảm trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn giữa con dâu với cha mẹ chồng, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, chị và anh T đã không còn sống chung đã gần 01 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về nuôi con chung: Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung là Lê Ngọc N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2013 và Lê Ngọc Y2, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Lê Thanh T chung sống không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thanh T trình bày: Anh thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như chị Y1 trình bày. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y1. Về nuôi con chung: Anh yêu cầu được nuôi 02 con chung là Lê Ngọc N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2013 và Lê Ngọc Y2, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016, không yêu cầu chị Y1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị Y1 chung sống không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 23 tháng 3 năm 2023 của cháu Lê Ngọc Y2 trình bày: Ba mẹ ly hôn con sống với ba.

Tại bản khai ngày 23 tháng 3 năm 2023 của cháu Lê Ngọc N trình bày: Ba mẹ ly hôn con muốn sống với ba.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y1 và bị đơn anh Lê Thanh T; về con chung: Giao 02 con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2013 và Lê Ngọc Y2, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016 cho anh Lê Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Y1 không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Y1 và anh Lê Thanh T trình bày không có, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Y1 và anh Lê Thanh T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Y1 đối với anh Lê Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Y1 thì cuộc sống của chị và anh T không hạnh phúc từ tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chuyện tình cảm trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn giữa con dâu với cha mẹ chồng, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, chị và anh T đã không còn sống chung đã hơn 01 năm nay, anh chị tuy có gặp nhau nhưng vẫn không hàn gắn được. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị Y1 đối với anh T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh T cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị Y1. Như vậy, xét thấy chị Nguyễn Thị Y1 và anh Lê Thanh T tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp quy định tại Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Y1 và anh Lê Thanh T đều yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2013 và Lê Ngọc Y2, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị Y1 và anh T không còn sống chung và hiện nay thì 02 con chung do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, 02 cháu cũng có nguyện vọng ở với ba,

anh T cũng có đủ điều kiện kinh tế để trực tiếp nuôi dưỡng con chung và để ổn định việc sinh hoạt, học tập của các cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, chị Y1 không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Y1 và anh Lê Thanh T đều cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 55, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y1 và anh Lê Thanh T.

2. Về việc nuôi con chung: Không chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Y1.

2.1. Anh Lê Thanh T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2013 và Lê Ngọc Y2, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016.

2.2. Chị Nguyễn Thị Y1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y1 chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004196 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã TP1, huyện HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng